TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 473/2024/DS-ST
Ngày: 23/7/2024.
V/v: "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dương

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Tâm– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Ông Võ Ngọc Duy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/7/2024, 23/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 419//2019/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 314/2024/QĐST-DS ngày 19/6/2024 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** 1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Số nhà 1488, tỉnh lộ 8, ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm: 1988; địa chỉ: Số nhà 2B, N, ấp 5, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1972 (đã chết ngày 01/11/2023); Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số nhà 19C, đường 114, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Có người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng:

2.1/ Bà Lê Thị G, sinh năm 1976; (xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng);

2.2/ Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1994;

2.3/ Ông Nguyễn Hữu L1, sinh năm 2005;

Có người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hữu L (Theo Giấy uỷ quyền số công chứng 00001850, quyển số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/3/2024 tại Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Trinh);

Cùng địa chỉ: Số nhà 19C, đường 114, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn:* 1/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Số nhà 559, tỉnh lộ 15, ấp 7, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng);

2/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1974; (xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng);

3/ Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1987;

Cùng địa chỉ: Số nhà 385, tỉnh lộ 15, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

4/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; Địa chỉ liên lạc: Số nhà 385, tỉnh lộ 15, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Số nhà 374, tỉnh lộ 15, ấp 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; Địa chỉ liên lạc: Số 385K, tỉnh lộ 15, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

3/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số nhà 10A, đường 115, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

4/ Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số 385K, tỉnh lộ 15, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

5/ Bà Nguyễn Thị G1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; Địa chỉ liên lạc: Số 385K, tỉnh lộ 15, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

6/ Bà Đặng Thị Hồng Q (vợ ông L) sinh năm 1976; (xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng);

7/ Cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2008 (con ông L);

8/ Cháu Nguyễn Vương T5, sinh năm 2010 (con ông L);

Có ông L, bà Q là đại diện hợp pháp; Cùng địa chỉ: Số 385K, tỉnh lộ 15, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Bà Trần Thị H (vợ ông T4), sinh năm 1983; (xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng);

10 /Cháu Nguyễn Trần Minh C, sinh năm 2009 (con ông T4);

11/ Cháu Nguyễn Trần Bảo L3, sinh năm 2012 (con ông T4);

Có ông T4, bà H là người đại diện hợp pháp; Cùng đia chỉ: Số 28B, tổ 09, đường 114, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

12/ Ông Nguyễn Mộng Thanh G (con bà B);

13/ Bà Trần Thị Hoài L4 (vợ ông V);

Cùng địa chỉ: Số 385K, tỉnh lộ 15, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2019, đơn sửa đổi bổ sung ngày 06/9/2019 và các lời khai trong toàn bộ quá tình tố tụng vụ án, nguyên đơn ông T và T2 trình bày:*

Cha của các ông tên U (sinh năm 1937, chết 2006), mẹ tên N (sinh năm 1940, chết năm 2019). Cha mẹ của các ông có tất cả 09 người con chung gồm: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2,

Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Quốc V. Ngoài ra, cha các ông có người con riêng tên Nguyễn Thị P và mẹ các ông có người con riêng tên Nguyễn Thị G.

Cha mẹ của các ông chết để lại di sản thừa kế như sau: Phần diện tích đất 10.377m^2 (đo đạc thực tế là 9830,7m^2) thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1015/QSDĐ ngày 21/5/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho cha các ông là U. Và phần diện tích đất 1.065,3m^2(đo đạc thực tế là 1.040,6m^2) thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1192/QSDĐ ngày 20/9/2002 của ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho cha các ông là U. Trên phần diện tích đất 1.040,6m^2 này có căn nhà cha mẹ các ông để lại (hiện ông V đang quản lý sử dụng) và có 02 căn nhà của ông T4, ông L đang ở, có các công trình xây dựng và các cây trồng trên đất. Cha mẹ các ông chết không để lại di chúc và anh em không thoả thuận được phân chia di sản thừa kế. Hiện các quyền sử dụng đất trên do Nguyễn Quốc V và Nguyễn Thị B chiếm giữ và ông V đang giữ 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Các ông yêu cầu Toà án buộc Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị N, Nguyễn Quốc V chia cho các ông mỗi người 01 mảnh ruộng diện tích khoảng 1.000m^2 và diện tích đất ở khoảng 100m^2.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu: Đối với phần diện tích đất 9.830,7m^2 thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; các ông yêu cầu chia đều làm 11 phần bằng nhau, yêu cầu chia theo hiện trạng. Do phần đất này có 02 khu, nên yêu cầu chia đều mỗi khu làm 11 phần bằng nhau. Đối với phần diện tích đất là 1.040,6m^2, thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; các ông yêu cầu đối với hiện trạng nhà mà ông V đang ở (nhà cha mẹ để lại) và nhà ông T4, ông L2 đang ở thì để họ tiếp tục sử dụng; phần diện tích còn lại chia làm 08 phần bằng nhau. Các ông xác định không tranh chấp di sản là nhà cha mẹ để lại, công trình trên đất và cây trồng trên đất này.

Tại phiên toà nguyên đơn ông T xác định khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Củ Chi chia thừa kế như sau:

Đối với phần diện tích đất là 1.040,6m^2, thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; nguyên đơn xác định không tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất này. Nguyên đơn đồng ý để cho ông Nguyễn Quốc V, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn L2 và bà Nguyễn Thị B được quyền sở hữu chung và quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất cùng công trình xây dựng và cây trồng trên đất này. Tuy nhiên với điều kiện ông V phải đồng ý giao lại cho ông T 150m^2 khi ông V được chia thừa kế đối với phần diện tích đất ở 4.924,2m^2 (Khu 2) nằm trong tổng diện tích 9.830,7m^2, theo Bản vẽ hiện trạng sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập đã kiểm tra nội nghiệp vào ngày 09/01/2020).

Đối với phần diện tích đất 9.830,7m^2 thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; ông Tài yêu cầu chia đều làm 11 phần bằng nhau đối với mỗi khu (Khu 1, khu 2 theo Bản vẽ hiện trạng sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập đã kiểm tra nội nghiệp vào ngày 09/01/2020) và yêu cầu chia theo hiện

trạng đất. Do diện tích khi chia đều không đủ điều kiện tách thửa theo quy định của nhà nước nên yêu cầu được đứng quyền sở hữu chung đối với phần di sản thừa kế này.

Tại phiên toà người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T2 xác định khởi kiện yêu cầu chia thừa kế như sau: Thống nhất yêu cầu như yêu cầu của nguyên đơn là ông T. Tuy nhiên, với điều kiện ông V phải đồng ý giao lại cho người thừa kế của ông T2 phần diện tích đất còn lại sau khi trừ đi diện tích giao cho ông T 150m^2, khi ông V được chia thừa kế đối với phần diện tích đất 4.924,2m^2 (Khu 2) nằm trong tổng diện tích 9.830,7m^2, theo Bản vẽ hiện trạng sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập đã kiểm tra nội nghiệp vào ngày 09/01/2020.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Đơn khởi kiện + Bản tự khai, Giấy uỷ quyền; Bản sao giấy khai sinh; Trích lục Giấy khai tử của bà Nhanh và ông Út; Bản photo giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp giấy: 1015/QSDĐ ngày 21/5/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông N; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1192/QSDĐ ngày 20/9/2002 của Uỷ ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông N; Bản vẽ Hiện trạng vị trí đất tranh chấp; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (photo).

Tài liệu chứng cứ mà người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn (ông T2) để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Giấy chứng nhận kết hôn, 02 bản sao khai sinh, 01 khai tử của ông Tốt, 01 giấy uỷ quyền của L uỷ quyền cho ông L1, Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt của bà G.

Theo nội dung các lời khai trong quá tình tố tụng vụ án, bị đơn ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N trình bày: Ông bà thống nhất hàng thừa kế gồm 11 người và di sản thừa kế như nguyên đơn trình bày là đúng. Đối với phần diện tích đất tranh chấp 9830,7m^2 thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; ông bà đồng ý chia đều làm 11 phần bằng nhau, yêu cầu chia theo hiện trạng. Do phần đất này có 02 khu, nên yêu chia đều theo hiện trạng mỗi khu làm 11 phần. Đối với phần diện tích đất là 1040,6m^2, thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; hiện trạng có 04 căn nhà đang sử dụng: Nhà 1: Ông V có vợ tên Trần Thị Hoài L4 đang sinh sống; Nhà 2: Ông L2 cùng vợ tên Đặng Thị Hồng Q và 02 con: Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Vương T đang sinh sống; Nhà 3: Ông T4 cùng vợ tên Trần Thị H cùng 02 con Nguyễn Trần Minh C, Nguyễn Trần Bảo L đang sinh sống; Nhà 4: Bà Nguyễn Thị B cùng con tên Nguyễn Mộng Thanh G đang sinh sống (chồng bà B đã chết). Hiện ông V, bà B, ông T4, ông L2 đang sử dụng phần diện tích đất này thì ông bà yêu cầu để ông bà tiếp tục sử dụng theo hiện trạng; phần diện tích còn lại giao cho V quản lý sử dụng để thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên Toà, ông V đồng ý giao cho ông T 150m^2 khi ông V được chia thừa kế đối với phần diện tích đất ở 4.924,2m^2 (Khu 2) nằm trong tổng diện tích 9.830,7m^2 và đồng ý giao lại cho người thừa kế của ông T2 phần diện tích đất còn lại sau khi trừ đi diện tích đã giao cho ông T 150m^2, khi ông V được chia thừa kế đối với phần diện tích đất 4.924,2m^2 (Khu 2) nằm trong tổng diện tích 9.830,7m^2; với điều kiện phía nguyên đơn không tranh chấp và đồng ý giao lại cho ông V, bà B, ông T4, ông L2 được toàn quyền quản lý, sử dụng chung đối với phần diện tích đất là 1040,6m^2, thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi. Ông V thừa nhận đang giữ bản chính 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

trên và không cung cấp tài liệu, chứng gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên toà: Bà B, bà N thống nhất như ý kiến của ông V. Tài liệu chứng cứ mà bà N, bà B cung cấp để bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của mình: Đơn xin vắng mặt.

Theo nội dung các lời khai trong quá tình tố tụng vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Theo lời khai ban đầu vào ngày 25/03/2021, ông có ý kiến là phần đất thổ (4.924,2m^2) là giữ nguyên theo hiện trạng, không phân chia đất này mà để lại cho V là hương hoả, riêng đất ruộng thì chia đều cho 11 người. Sau đó, ông C thay đổi ý kiến là thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn và đồng ý chia thừa kế như yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên toà, ông thống nhất như ý kiến của nguyên đơn. Tài liệu chứng cứ mà ông C cung cấp để bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của mình: Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt.

Theo nội dung các lời khai trong quá tình tố tụng vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị G1 trình bày: Ông bà thống nhất như ý kiến trình bày của bị đơn là ông V, bà B, bà N; thống nhất hàng thừa kế gồm 11 người và di sản thừa kế như nguyên đơn trình bày là đúng. Đối với phần diện tích đất tranh chấp 9830,7m^2 thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; ông bà đồng ý chia đều làm 11 phần bằng nhau, yêu cầu chia theo hiện trạng. Đối với phần diện tích đất là 1040,6m^2, thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; hiện trạng có 04 căn nhà (có cả nhà của bà B), ai đang sử dụng thì tiếp tục sử dụng theo hiện trạng còn lại bao nhiêu giao cho V hưởng để thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên toà, ông T4, ông L2 và bà Gái thống nhất như ý kiến của ông V, bà B, bà N. Ông T4, ông L2 và bà G1 không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo nội dung các lời khai trong quá tình tố tụng vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị P trình bày: Ông bà thống nhất như ý kiến trình bày của bị đơn là ông V, bà B, bà N và những người liên quan là ông L2, ông T4, bà G1; tuy nhiên đối với phần diện tích đất là 1040,6m^2, thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; hiện trạng có 04 căn nhà, ai đang sử dụng thì tiếp tục sử dụng theo hiện trạng, chia cho ông T2 căn nhà ngang 04 mét, còn lại bao nhiêu giao cho V hưởng để thờ cúng cha mẹ.

Tuy nhiên, tại phiên toà bà thống nhất hoàn toàn như ý kiến của phía bị đơn là ông V, bà B, bà N. Tài liệu chứng cứ bà P đã cung cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Chứng minh nhân dân (sao y), Bản tự khai.

Theo nội dung các lời khai trong quá tình tố tụng vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Hồng Q trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn L2, bà cùng 02 con đang sinh sống cùng chồng trên phần đất có tranh chấp. Con tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Vương T, sinh ngày 02/10/2010. Tại phiên toà, bà thống nhất hoàn toàn như lời trình bày của ông L2 và không có yêu cầu gì. Tài liệu chứng cứ bà Q đã cung cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Căn cước công dân (sao y), Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt.

Theo nội dung các lời khai trong quá tình tố tụng vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn T4, bà cùng 02 con đang sinh sống cùng chồng trên phần đất có tranh chấp. Bà thống nhất như ý kiến của chồng bà và xin vắng mặt trong quá trình tố tụng. Tài liệu chứng cứ bà H đã cung cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Căn cước công dân (sao y), Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; tại phiên Tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên. Tòa án đã có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông U (chết năm 2006) và bà N (chết năm 2019) có 09 người con chung gồm: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T4 Và Nguyễn Quốc V. Ngoài ra, ông N có 01 con riêng là bà Nguyễn Thị P và bà L có 01 con riêng là bà Nguyễn Thị G. Các đương sự đều không tranh chấp về quan hệ thừa kế giữa con riêng với bố dượng, mẹ kế. Do đó, những người thừa kế theo pháp luật của ông bà là 11 người: gồm 09 người con chung và 02 người con riêng kể trên.

Về di sản thừa kế: Căn cứ Công văn số: 5372/CNCC ngày 28/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh huyện Củ Chi, GCN QSDĐ số vào sổ:1015/QSDĐ ngày 21/05/2003 do UBND huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn Út, GCN QSDĐ số vào số: 1192/QSDĐ ngày 20/09/2002 do UBND huyện Củ Chi cấp cho ông N, có cơ sở để xác định di sản của ông bà là phần đất thuộc các thửa số: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8, tại xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi.

Các đương sự đều thống nhất trình bày ông U, N chết không để lại di chúc.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế phần diện tích đất 9830,7m^2 thuộc các thửa đất số: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi: Căn cứ Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 2096/HĐ-HT/2019 do Công ty Hoàng Thịnh lập ngày 02/01/2020, kiểm tra nội nghiệp ngày 09/01/2020 thì phần đất trên gồm 02 khu: Khu 1 diện tích 4.906,5m^2 và Khu 2 diện tích 4.924,2m^2. Tại phiên tòa, các đồng thừa kế đều thống nhất chia thừa kế 02 khu đất trên, mỗi khu thành 11 phần bằng nhau. Khu 1 mỗi đồng thừa kế nhận 01 phần đất diện tích 446,04m^2. Riêng Khu 2, ông Nguyễn Quốc V đồng ý để lại phần đất của mình cho ông T 150m^2 và ông T2 phần đất còn lại. Như vậy, ở Khu 2, các ông, bà C, N, T3, B, L2, T4, P, G1 mỗi người nhận một phần đất diện tích 447,65m^2, ông T được nhận phần đất diện tích 597,65m^2, ông T2 được nhận phần đất diện tích 745,3m^2. Do diện tích mỗi kỷ phần không đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND TPHCM, tại phiên tòa các đương sự đồng ý đứng tên chung quyền sử dụng đất này. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 612, 613, 614, 650, 651, 654, 660 BLDS 2015, Điều 98 Luật Đất đai 2013, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia thừa kế phần đất diện tích đất 9830,7m^2 thuộc các thửa đất số: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8 theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế phần diện tích đất 1040,6m^2, thuộc thửa đất số: 357-7, 396-21, 396-22, tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi: Tại phiên tòa, các đồng thừa kế thống nhất không yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa 357-7, 396-21, 396-22, tờ bản đồ số 8 mà sẽ giao lại quyền sử dụng đất này cho các ông, bà: L, T4, V, B. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định pháp luật, do đó, có cơ sở chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T2 chết ngày 01/11/2023, do đó, quyền và nghĩa vụ của ông T2 được chuyển cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 612, 613, 614, 650, 651, 654, 660 BLDS 2015, Điều 98 Luật Đất đai 2013:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế phần diện tích đất 9.830,7m^2 thuộc các thửa đất số: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8 xã Tân Thạnh Đông theo sự thỏa thuận của các đồng thừa kế tại phiên tòa.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao quyền sử dụng đất diện tích 1.040,6m^2 thuộc thửa đất số: 357-7, 396-21, 396-22, tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông cho ông Lý, ông Tiền, ông Vũ và bà Bảy

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp về thừa kế tài sản" được quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú và đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tại xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế: Căn cứ Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế theo quy định.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H, bà Trần Thị Hoài L4 và ông Nguyễn Mộng Thanh G đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất 9.830,7m^2 thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; yêu cầu chia đều làm 11 phần bằng nhau, yêu cầu chia theo hiện trạng. Do phần đất này có 02 khu, nên yêu chia đều mỗi khu làm 11 phần bằng nhau. Đối với phần diện tích đất là 1.040,6m^2, thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; nguyên đơn yêu cầu đối với hiện trạng nhà mà ông V đang ở (nhà cha mẹ để lại) và nhà ông 4, ông L2 đang ở thì để họ tiếp tục sử dụng; phần diện tích còn lại chia làm

08 phần bằng nhau.

Căn cứ lời trình bày, sự thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, tài liệu chứng cứ mà các bên cung cấp, Toà án thu thập được, lời khai của các bên tại phiên Tòa, có cơ sở xác định:

Về hàng thừa kế: Ông U (chết năm 2006) và bà N (chết năm 2019) có 09 người con chung gồm: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T4 và Nguyễn Quốc V. Ngoài ra, ông N có 01 con riêng là bà Nguyễn Thị P và bà L có 01 con riêng là bà Nguyễn Thị G1. Các đương sự đều thống nhất về hàng thừa kế của ông U, bà N là 11 người và không có tranh chấp về hàng thừa kế; Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất di sản thừa kế của ông U, bà N bao gồm: Phần diện tích đất 10.377m^2 (đo đạc thực tế là 9830,7m^2) thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1015/QSDĐ ngày 21/5/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn U và phần diện tích đất 1.065,3m^2(đo đạc thực tế là 1.040,6m^2) thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1192/QSDĐ ngày 20/9/2002 của Uỷ ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho cha các ông Nguyễn Văn U. Các bên đều thừa nhận ông U, bà N chết không để lại di chúc và xác định không tranh chấp tài sản và cây trồng trên đất; Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.2] Xét thấy tại phiên toà, tất cả các đồng thừa kế thống nhất phân chia di sản thừa kế như sau:

Đối với phần diện tích đất 9.830,7m^2 thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; yêu cầu chia đều làm 11 phần bằng nhau, yêu cầu chia theo hiện trạng. Do phần đất này có 02 khu, nên yêu chia đều mỗi khu làm 11 phần bằng nhau. Căn cứ Bản vẽ hiện trạng sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập đã kiểm tra nội nghiệp vào ngày 09/01/2020; khu 1 có diện tích 4.906,5m^2 và khu 2 có diện tích 4.924,2m^2. Tại phiên tòa, các đồng thừa kế đều thống nhất chia khu 1 làm 11 phần, tương đương mỗi đồng thừa kế nhận 01 phần đất có diện tích là 446,04m^2. Riêng khu 2, ông Nguyễn Quốc V đồng ý để lại phần đất của mình cho ông T là 150m^2 và ông T2 phần đất còn lại. Như vậy, ở khu 2, các ông bà: C, N, T3, B, L2. T4, P, G1 mỗi người nhận một phần đất diện tích 447,65m^2, ông T được nhận phần đất diện tích 597,65m^2, ông T2 được nhận phần đất diện tích 745,3m^2.

Đối với phần diện tích đất 1040,6m^2, thuộc thửa đất số: 357-7, 396-21, 396-22, tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; tại phiên tòa, các đồng thừa kế thống nhất không yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất này cùng tài sản và cây trồng trên đất mà thống nhất sẽ giao lại toàn bộ cho các ông, bà: L2, T4, V, B được quyền quản lý, sử dụng chung đối với phần diện tích đất này.

Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, việc thoả không trái quy định pháp luật; Hội đồng xét xử ghi nhận.

Căn cứ Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về diện tích tối thiểu khi tách thửa; do diện tích mỗi kỷ phần được hưởng không đủ điều kiện tách thửa theo quy định và tại phiên tòa các đương sự đồng ý đứng tên chung quyền sử dụng đất này nên Hội đồng

xét xử ghi nhận.

[4.4] Căn cứ Bản vẽ hiện trạng sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập đã kiểm tra nội nghiệp vào ngày 09/01/2020; phần diện tích đất 10.377m^2 thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi có diện tích đo đạc thực tế là 9830,7m^2; Căn cứ công văn trả lời xác minh số 5372/CNCC ngày 28/12/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh xác định lý do có sự chênh lệch này là do mở đường và sai số giữa 02 tài liệu; xét thấy phù hợp.

Căn cứ Bản vẽ hiện trạng sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập đã kiểm tra nội nghiệp vào ngày 09/01/2020; phần diện tích đất 1.065,3m^2 thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi có diện tích đo đạc thực tế là 1.040,6m^2; Căn cứ công văn trả lời xác minh số 5372/CNCC ngày 28/12/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh xác định lý do có sự chênh lệch này là ranh giới đất thay đổi và sai số giữa 02 tài liệu; xét thấy phù hợp.

[4.5] Tại phiên Toà, các đồng thừa kế đều thống nhất căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 09/3/2022 của Hội đồng định giá để làm cơ sở giải quyết vụ án và không yêu cầu định giá lại. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 09/3/2022 của Hội đồng định giá để làm căn cứ tính án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể:

- Ông T được chia diện tích đất 446,04m^2 (khu 1)+ 597,65m^2 (khu 2) = 1.043,69m^2 x 1.000.000đ = 1.043.690.000đ.

- Những người thừa kế tố tụng của ông T2 (bà G, ông L, ông L1), được chia diện tích đất 446,04m^2 (khu 1)+ 745,3m^2 (khu 2) = 1.191,34m^2 x 1.000.000đ = 1.191.340.000đ.

- Bà B, ông C, bà N, bà G1, ông T3, ông T4, bà P, ông L2 mỗi người được chia diện tích đất 446,04m^2 (khu 1)+ 447,65m^2 (khu 2) = 893,69m^2 x 1.000.000đ = 893.690.000đ.

- Ông V được chia diện tích đất 446,04m^2 (khu 1) x 1.000.000đ = 446.040.000đ.

- Ông V, bà B, ông T4, ông L2 được chia quản lý, sử dụng chung diện tích 1.040,6m^2, trong đó 104m^2 x 8.000.000đ + 936,6m^2 x 5.000.000đ= 832.000.000đ + 4.683.000.000đ = 5.515.000.000đ.

[5] Số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá do nguyên đơn nộp, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

[6] Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án; Về tố tụng: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, là phù hợp, Hội đồng xét xử nghi nhận.

Về nội dung vụ án; xét thấy, đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[7] Xét thấy cần buộc các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị di sản mà các đương sự được hưởng.

Tuy nhiên; Hội đồng xét xử xét thấy ông T, bà P, bà G1 là người cao

tuổi, mất sức lao động và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên quyết định miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T, bà P, bà G1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 612, 613, 614, 623, 650, 651, 654, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 99, 105 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Công nhận hàng thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn U và bà Lê Thị N bao gồm các ông bà: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị G1.

2. Công nhận di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn U và bà Lê Thị N để lại gồm: Phần diện tích đất 10.377m^2 (đo đạc thực tế là 9830,7m^2) thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1015/QSDĐ ngày 21/5/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn U và phần diện tích đất 1.065,3m^2(đo đạc thực tế là 1.040,6m^2) thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1192/QSDĐ ngày 20/9/2002 của ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho cha các ông Nguyễn Văn U; theo Bản vẽ hiện trạng sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập đã kiểm tra nội nghiệp vào ngày 09/01/2020.

3. Công nhận sự thoả thuận của tất cả các đồng thừa kế phân chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị G1 được chia mỗi người diện tích: 446,04m^2 (Khu 1) và những người thừa kế của ông T2 (bà Lê Thị G, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu L1) được chia diện tích: 446,04m^2 (Khu 1); thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1015/QSDĐ ngày 21/5/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn U; theo Bản vẽ hiện trạng sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập đã kiểm tra nội nghiệp vào ngày 09/01/2020.

- Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị G1 được chia mỗi người diện tích: 447,65m^2 (Khu 2), ông Nguyễn Văn T được chia

597,65m^2 (Khu 2), những người thừa kế của ông T2 (bà Lê Thị G, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu L1) được chia 745,3m^2 (Khu 2); thuộc các thửa: 60, 61, 62, 66, 69, 70, 71, 7, 17, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1015/QSDĐ ngày 21/5/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn U; theo Bản vẽ hiện trạng sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập đã kiểm tra nội nghiệp vào ngày 09/01/2020.

Các đồng thừa kế thoả thuận đứng quyền quản lý, sử dụng chung đối với phần diện tích đất thoả thuận phân chia nêu trên.

- Ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn L2 được quyền quản lý, sử dụng chung đối với phần diện tích đất 1.040,6m^2 thuộc thửa 357-7, 396-21, 396-22 tờ bản đồ số 8; bộ địa chính xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1192/QSDĐ ngày 20/9/2002 của ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn U; theo Bản vẽ hiện trạng sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập đã kiểm tra nội nghiệp vào ngày 09/01/2020.

Ông Nguyễn Quốc V có trách nhiệm giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1015/QSDĐ ngày 21/5/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn U và bản chính chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 1192/QSDĐ ngày 20/9/2002 của ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn U để tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với các phần đất đã được thoả thuận phân chia cho các đương sự nêu trên.

Trường hợp ông Nguyễn Quốc V không thực hiện việc giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền các bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và có một trong các đương sự không tự nguyện thi hành án thì các đương sự còn lại được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành thủ tục đăng ký, kê khai, chuyển quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã được thoả thuận phân chia.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị G1, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Văn T4 và ông Nguyễn Văn L2 mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 38.810.700đ (ba mươi tám triệu tám trăm mười nghìn bảy trăm đồng).

Buộc bà Lê Thị G, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 47.740.200đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng); cấn trừ số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T2 đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0022231 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; buộc bà Lê Thị G, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Hữu L1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 42.740.200đ (bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Quốc V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là

21.841.600đ (hai mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn L2 có trách nhiệm phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 113.515.000đ (một trăm mười ba triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0022230 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND H. Củ Chi
- Chi cục THA Dân sự H. Củ Chi
- Các đương sự
- Lưu: Vp, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan